

Bản án số: 09/2020/DS-ST.

Ngày: 15/6/2020.

*“V/v: Kiện tranh
chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH G

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vi Thị Ty.

2. Ông Phan Đình Toàn.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
huyện K, tỉnh G.

Ngày 15/6/2020, tại trụ sở TAND huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST-DS ngày 03/02/2020 về việc: *“Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐST-DS ngày 08/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân Huệ, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G.

Bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Huệ và bà Đ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị T thì do quen biết nên vào ngày 26/01/2018 (âm lịch), bà cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân Huệ và bà Trần Thị Đ vay số tiền là 12.000.000 đồng, bà Đ đã viết và ký tên vào giấy mượn tiền, hẹn đến ngày 26/11/2018 (âm lịch) sẽ trả số tiền nợ nói trên cho bà.

Tiếp đến, vào ngày 05/02/2018, ông Huệ và bà Đ hỏi và được bà cho vay tiếp số tiền là 2.000.000 đồng, bà Đ đã viết tiếp nội dung nhận nợ vào phía dưới của giấy mượn tiền ngày 26/01/2018 (âm lịch) và ông bà cùng ký vào giấy, giấy mượn tiền được giao lại cho bà giữ và được bà nộp cho Tòa án làm chứng cứ.

Tuy nhiên, kể từ khi vay tiền cho đến nay, mặc dù đã quá thời hạn trả nợ và bà đã nhiều lần trực tiếp gặp đòi nhưng ông Huệ và bà Đ vẫn không chịu trả. Vì

vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông Huệ và bà Đ phải trả ngay cho bà tổng số tiền nợ gốc của hai lần vay là 14.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân Huệ và bà Trần Thị Đ: Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện K, tỉnh G đã triệu tập ông bà đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng ông bà không chấp hành có mặt làm việc.

Do vụ án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì ông Huệ và bà Đ vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày **25/5/2020** và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông bà luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo như quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy CMND mang tên Nguyễn Thị T (*bản photo*); 01 Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị T (*bản photo*); 01 Giấy nhận nợ ghi nội dung ngày 26/01/2018 âm lịch bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Xuân Huệ, địa chỉ thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G có nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 12.000.000 đồng, hẹn đến ngày 26/11/2018 âm lịch sẽ trả đủ số tiền nợ trên. Ngày 05/02/2018 bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Xuân Huệ tiếp tục mượn của bà T số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng bà Đ và ông Huệ nợ bà T số tiền 14.000.000 đồng, được viết trên giấy kê ô ly, do ông Huệ và bà Đ ký và ghi rõ họ tên (*bản chính*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; có địa chỉ tại: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G; điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà T giao nộp là Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị T (*bản photo*) và Giấy CMND mang tên Nguyễn Thị T (*bản photo*).

Ông Nguyễn Xuân Huệ, sinh năm 1959 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1962, có địa chỉ tại: Thôn 2, xã S, huyện K, tỉnh G; điều này được thể hiện qua chứng cứ do bà T giao nộp là Đơn xin xác nhận ngày 08/6/2020 (*bản chính*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Xuân Huệ và bà Trần Thị Đ phải trả cho bà số tiền nợ là 14.000.000 đồng. Bà T là chủ thể có quyền lợi bị xâm phạm nên được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K, tỉnh G theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy nhận nợ ghi nội dung ngày 26/01/2018 (âm lịch) bà Trần Thị Đ và ông Nguyễn Xuân Huệ có vay bà T số tiền 12.000.000 đồng, hẹn đến ngày 26/11/2018 (âm lịch) sẽ trả số tiền nợ trên; ngày 05/02/2018,

bà Đ và ông Huệ mượn tiếp của bà T số tiền 2.000.000 đồng; tổng cộng bà Đ và ông Huệ nợ bà T là 14.000.000 đồng, các lần viết vay tiền ở phía dưới đều có chữ người vay và ghi rõ họ tên Trần Thị Đ và Nguyễn Xuân Huệ. Xét chứng cứ do bà T đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật, thể hiện rõ việc ông Huệ và bà Đ có vay của bà T 02 lần với tổng số tiền là 14.000.000 đồng. Trong giấy nhận nợ, ông bà hẹn đến ngày 26/01/2018 (âm lịch) sẽ trả đủ số tiền nợ trên nhưng đến nay ông bà vẫn chưa trả cho bà T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huệ và bà Đ luôn vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, điều này đã thể hiện rõ việc ông bà có vay nợ của bà T nên ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận, buộc ông Huệ và bà Đ phải trả cho bà T số tiền nợ gốc của hai lần vay là 14.000.000 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST), hoàn trả cho bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Đ và bà Huệ phải chịu án phí DSST theo quy định là 14.000.000 đồng x 5% = 700.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 91, 93, 94, 95, 108, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân Huệ và bà Trần Thị Đ phải trả cho bà T số tiền nợ gốc của hai lần vay là 14.000.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi ông Huệ và bà Đ thi hành xong khoản tiền nợ nói trên thì hàng tháng ông Huệ, bà Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí DSST: Buộc ông Nguyễn Xuân Huệ và bà Trần Thị Đ phải chịu số tiền án phí DSST là 700.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 350.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003290 ngày 20/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên